

Bản án số: 219/2018/HS-PT

Ngày: 15-11-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Quốc Chiến**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Trọng Hân**

Bà Nguyễn Diệu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Cẩm Loan – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 152/2018/TLPT-HS ngày 04 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn N, Mai Văn Bé S, Trần Văn T, do có kháng cáo của các bị cáo và người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2018/HS-ST ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

1. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992; nơi sinh: huyện V, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Ấp 3, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Châu Thị Cúc M; tiền án: Không; tiền sự: có 01 tiền sự: Ngày 21/02/2017, bị công an thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang xử phạt 750.000 đồng về hành vi đánh nhau; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 16/10/2017. (Có mặt)

2. Nguyễn Văn N, sinh năm 1975; nơi sinh: Giồng R, Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp K, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị Ng; vợ: Lê Thị Kim Ch và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

3. Mai Văn Bé S, sinh năm 1983; nơi sinh: Giồng R, Kiên Giang; nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang; trình độ văn hóa: 2/12; nghề nghiệp: Chăn nuôi; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con

ông Mai Văn C và bà Trần Thị T; vợ: Nguyễn Thị Mộng T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

4. Trần Văn T, sinh năm 1983; nơi sinh: Giồng R, Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: Chăn nuôi; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Nguyễn Kim Ch; vợ: Huỳnh Thị Hồng T và 01 người con, tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

- *Người bào chữa theo yêu cầu cho các bị cáo:*

Luật sư **Trần Việt Q** – Văn phòng luật sư Trần Hoàng H – Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

- *Người bị hại có kháng cáo:*

Ông Trần Văn Th; sinh năm 1988. (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại:*

Luật sư **Phạm Văn C** – Văn phòng luật sư Phạm Văn C - thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ ngày 23/02/2017, Trần Văn Th cùng với cháu tên Trần Văn L, cùng giữ vịt và cho vịt ăn trên phần đất ruộng của bà Trần Thị Ng tại ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Thời điểm này, Mai Văn Bé S ngụ cùng ấp cũng cho vịt ăn trên phần đất ruộng của bà Ng. Trong lúc cho vịt ăn L và Bé S xảy ra mâu thuẫn dẫn đến đánh nhau thì được anh Th can ra. Sau đó Bé S về nhà điện thoại cho Nguyễn Văn N kể lại sự việc đánh nhau với L và đồng thời nói với N cho người qua tiếp đánh lại. N nói “*Dù sao cũng là dân giữ vịt chung, bỏ đi, mai mốt có gì tính sau*” Nghe vậy Bé S tiếp tục ra ruộng giữ vịt. Đến khoảng 16 giờ Bé S lừa vịt về thì gặp Trần Văn Th (anh của L), cả hai cự cãi dẫn đến đánh nhau lần nữa thì được ông Trần Văn V (bác của Th và L) can ra. Bé S về nhà tiếp tục điện thoại cho N nói bị đánh lần nữa và nhờ N kiếm 3-4 người qua đánh trả thù. N đồng ý và điện cho Nguyễn Văn Đ nói “*anh có hai thằng cháu bị đánh em qua giúp được không*” Đ nói “*để em chạy qua coi*” rồi N chỉ đường cho Đ và điện cho Trần Văn T, ngụ ấp H, xã H dẫn đường nhóm của Đ. Trên đường qua nhà của Bé S, Đ ghé vào nhà ở ấp 3, xã V, huyện V lấy 02 cây dao tự chế và 01 cây tiếp vũ để trong vỏ sách đệm (đựng gà) đưa cho M cầm cùng đồng bọn chạy qua nhà Bé S. Khoảng 30 phút sau, nhóm của Đ gồm Đ, M, T và em của T (không rõ họ tên và địa chỉ) đến đồ nhà Bé S. Trong lúc đợi qua đồ, thì L cùng con tên Nh cũng đi đến và cùng qua đồ với nhóm của Đ do Đ em vợ Bé S đưa qua. Khi qua đến nhà Bé S thì Đ cầm 01 cây dao tự chế, đưa cho T cầm 01 cây dao tự

chế, và em T cầm cây tiếp vũ và Đ hỏi “ai đánh”, thì Bé S nói “L đánh và Th ôm Bé S cho L đánh” Sau đó Bé S dẫn Đ, M, T, em của T cùng đến nhà của Th. Cùng đi với Bé S còn có Mai Văn Bé H, Mai Văn Bé B (*anh ruột Bé S*), Trần Thị D và bà Trần Thị T (mẹ của Bé S) đi theo. Khi đến phần đất nhà bà Ng thì Bé S chửi và thách thức L, Th và ông V ra đánh nhau, Lúc này Th đi ra để nói chuyện nên Bé S chửi Th và cho rằng Th là người ôm mình lại cho L đánh, Th và Bé S cự cãi nhau thì M dùng đá 4x6 đánh Th trúng vào cạnh tai bên trái. Cả hai câu giạt với nhau thì Đ lấy cây dao tự chế giắt phía sau lưng ra chém nhiều cái vào người Th, Th đưa hai tay lên đỡ rồi bỏ chạy về nhà. Chém Th xong nhóm Đ còn rượt theo vỗ máy chửi Th đi bệnh viện ném đá. Sau đó Đ bỏ trốn và đến ngày 17/7/2017 Đ ra đầu thú và thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Còn Th được người nhà đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang.

** Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 69/TgT, ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Trung Tâm Pháp Y tỉnh Hậu Giang đối với Trần Văn Th . Tỷ lệ thương tích tổn hại đến sức khỏe hiện tại là: 29% (Hai mươi chín phần trăm)*

Vật chứng trong vụ án không thu giữ được:

**Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2018/HSST, ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

1. *Tuyên bố:* Các bị cáo **Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn N, Mai Văn Bé S, Trần Văn T** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. *Áp dụng:* Điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm đ, e khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn Đ 36 (Ba mươi sáu) tháng tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành hình phạt. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến 16/10/2017.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm e khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Mai Văn Bé S 36 (Ba mươi sáu) tháng tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành hình phạt.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn N 15 (Mười lăm) tháng tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành hình phạt.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 590 Bộ luật dân sự:

Ghi nhận việc các bị cáo Đ, N, S và T đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Th số tiền 81.000.000 đồng (Tám một triệu đồng). Trong đó 80.000.000 đồng đã thực hiện giao nhận xong, còn 1000.000 đồng Trần Văn T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu tiền số 8951 ngày 03 tháng 01 năm 2018.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27/7/2018, bị cáo Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 30/7/2018, bị cáo Mai Văn Bé S có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 30/7/2018, bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Ngày 31/7/2018, người bị hại Trần Văn Th có đơn kháng cáo với nội dung xin yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo S, T và N; xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ và yêu cầu khởi tố đối với Lâm Minh L và Nguyễn Thành Đ. Về phần trách nhiệm dân sự, ông Th yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 171.859.651 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đã xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng tội và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

Người bị hại Trần Văn Th rút kháng cáo phần yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn T, giữ nguyên các phần khác của đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b, đ khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo đối với bị cáo Trần Văn T, giữ nguyên mức phạt 09 tháng tù. Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại Trần Văn Th; tăng mức án đối với bị cáo Mai Văn Bé S 3 tháng tù, giảm cho bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 6 đến 9 tháng tù, giảm cho bị cáo Nguyễn Văn N 3 tháng tù. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần rút kháng cáo của người bị hại. Về phần dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo và người bị hại. Về vấn đề bỏ lọt tội phạm không chấp nhận vì Đ hiện tại không có mặt tại địa phương chưa làm việc được, L không có cơ sở để khẳng định có đánh người bị hại.

**Luật sư bào chữa cho các bị cáo trình bày quan điểm:*

Bị cáo Bé S mâu thuẫn với Th và L, Bé S nhờ N kiếm người đánh lại. Tuy

nhiên, Bé S lại không nói rõ là đánh ai nhưng Đ đánh Th là ngoài ý muốn của Bé S. Bé S chỉ thuộc trường hợp liên lụy mà thôi. Về tình tiết tăng nặng, bị cáo Bé S có tình tiết phạm tội tới cùng là không có cơ sở, không phù hợp. Về bồi thường cho người bị hại: Trạng đã nói rõ tiền bồi thường của Bé S là 25 triệu nên việc áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho Bé S là hoàn toàn phù hợp. Đề nghị giảm cho Bé S một phần hình phạt.

Bị cáo Đ: Kết luận giám định của bị hại thêm 1% ở mang tai là phải xem xét lại; đối với Đ chỉ 28% mới phù hợp. Đề nghị giảm cho Đ một năm.

Đối với bị cáo N: Chỉ là đồng phạm với vai trò nhẹ.

Bị cáo T: T chỉ có hành vi chỉ nhà Bé S. Án sơ thẩm xử bị cáo T như vậy là nặng cho bị cáo. Bị cáo T phải xử lý hành chính mới phù hợp vì T vai trò rất nhẹ.

Từ những phân tích như trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm án cho tất cả các bị cáo.

**Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại trình bày quan điểm:*

Đối với bị cáo Bé S phạm tội rất tích cực. Từ sáng bị cáo đã gọi điện cho N kêu kiếm người đánh dần mặt. Bị cáo S là người trực tiếp chỉ bị hại cho các bị cáo đánh. Vì vậy, cấp sơ thẩm áp dụng bị cáo Bé S phạm tội tới cùng là hoàn toàn có căn cứ. Về tiền bồi thường là của bị cáo Đ, bị cáo Bé S không có căn cứ thể hiện đã bồi thường, việc giao nhận tiền giữa Tr và bị hại có trước khi khởi tố bị can Bé S. Ngoài ra, bị cáo S không thành khẩn khai báo. Vì đại diện Viện kiểm sát đề nghị tăng án Bé S là hoàn toàn có cơ sở, đề nghị chấp nhận.

Bị cáo Đ rất biết ăn năn hối cải nên đề nghị giảm án theo nội dung kháng cáo của người bị hại.

Bị cáo N có tình tiết mới gia đình có công cách mạng nên đề nghị giảm án cho bị cáo.

Bị cáo T bị hại rút kháng cáo nhưng không xin giảm cho bị cáo, luật sư đồng nghiệp nói T không biết là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu xử lý L và Đ: Hành vi T và Đ tương đương nhau nhưng không khởi tố Đ là bỏ lọt tội phạm.

Đối với L: Trong hồ sơ L có khai nhận đánh Th, nhưng không xử lý L là bỏ lọt tội phạm. Tóm lại, người bị hại kháng cáo là hoàn toàn có cơ sở, đề nghị chấp nhận kháng cáo của người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo và người bị hại về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Người bị hại rút kháng cáo về phần tăng hình phạt đối với bị cáo T và bị cáo N. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét phần này.

[2] Về quyết định của Bản án sơ thẩm: Bị cáo Mai Văn Bé S trong lúc đi chăn vịt đã xảy ra mâu thuẫn, cự cãi và đánh nhau với anh em Trần Văn L và Trần Văn Th, đã được mọi người can ra. Bé S về nhà và gọi điện thoại cho bị cáo Trần Văn N kể về việc bị đánh và nhờ N kiếm người đánh trả thù, bị cáo N đồng ý. Bị cáo N gọi điện thoại kêu bị cáo Nguyễn Văn Đ và Trần Văn T qua đánh giúp, T và Đ đồng ý. Đ mang theo hai cây dao tự chế và 01 cây tít. Nhóm của Đ gồm Đ, M, T và em T cùng đi đến nhà Bé S. Khi đi qua nhà Bé S thì Đ cầm một cây dao tự chế, đưa cho T cầm một cây dao tự chế và em T một cây tít. Bé S dẫn Đ, Minh T và em của T cùng đến nhà của Th. Khi đi đến đất của bà Ng thì Bé S chửi và thách thức L, Th và ông V ra đánh nhau. Th đi ra nói chuyện, Bé S chửi Th và cho rằng Th là người đã ôm mình lại cho L đánh. M dùng đá 4 x 6 đánh Th, Nguyễn Văn Đ lấy cây dao tự chế chém vào người Th nhiều cái, Th đưa tay lên đỡ rồi bỏ chạy về nhà. Hậu quả, Trần Văn Th bị thương tích, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 29%. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ dùng hung khí nguy hiểm là cây dao tự chế gây thương tích cho người bị hại, bị cáo Mai Văn Bé S không trực tiếp gây thương tích cho người bị hại nhưng Bé S là người khởi xướng và rủ các bị cáo khác đi đánh nhau, bị cáo Nguyễn Văn N được Bé S nhờ kiếm người đi đánh, N rủ Nguyễn Văn Đ và Trần Văn T, Đ và T đồng ý. Tâm dẫn nhóm đi đến nhà của Bé S và cùng nhau đi đánh. Hành vi của các bị cáo Đ, N, Bé S và T là đồng phạm với nhau về tội cố ý gây thương tích, các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi gây thương tích của đồng phạm mình. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của các bị cáo: Hội đồng xét xử thấy rằng tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét cụ thể từng vai trò phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, xử phạt các bị cáo mức án như trên là đã phù hợp. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Đ đã bồi thường thêm cho người bị hại, người bị hại tha thiết xin giảm án cho bị cáo. Bị cáo N tại phiên tòa phúc thẩm có thêm tình tiết giảm nhẹ mới tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là cha,

mẹ bị cáo là người có công với cách mạng, được tặng thưởng huân chương, huy chương kháng chiến, đây là tình tiết giảm nhẹ mới của bị cáo N. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho hai bị cáo Đ và N; các bị cáo Bé S, T không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài các tình tiết mà cấp sơ thẩm đã xem xét, mức án mà tòa án cấp sơ thẩm tuyên đã phù hợp nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Người bị hại rút kháng cáo yêu cầu tăng án đối với T và N, còn kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Bé S, thấy rằng, bị cáo Bé S là người khởi xướng vụ việc, bị cáo dẫn đường đến nhà bị hại, mặc dù bị cáo S không trực tiếp gây thương tích cho người bị hại nhưng mức độ phạm tội của Bé S là cao nhất. Cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 36 tháng tù là tương xứng với mức độ hành vi phạm tội, kháng cáo của người bị hại đối với bị cáo S không được chấp nhận; kháng cáo yêu cầu giảm án cho bị cáo Đ được chấp nhận. Người bị hại Trần Văn Th còn yêu cầu khởi tố đối với Lâm Minh L và Nguyễn Thành Đ cũng không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, Đ đã bỏ đi khỏi địa phương nên chưa làm việc được, còn Lâm Văn L khẳng định không đánh bị hại, bị cáo Đ khai L có đánh nhưng Đ cũng chỉ khai L có tham gia đánh còn đánh bằng gì, trúng vào đâu không rõ. Đối với kháng cáo của người bị hại về phần trách nhiệm dân sự, cấp sơ thẩm căn cứ vào hóa đơn hợp lệ và các khoản chi phí hợp lý để buộc các bị cáo bồi thường như trên là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và người bị hại cũng đã thỏa thuận bồi thường xong, không ai có khiếu nại gì thêm nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về quan điểm của các luật sư:

Luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm án cho tất cả bị cáo là không được chấp nhận. Chỉ chấp nhận một phần lời đề nghị của vị luật sư là giảm án cho hai bị cáo Đ và N do hai bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại yêu cầu không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Bé S vì thời điểm bồi thường là trước khi khởi tố bị can Bé S và người giao tiền là anh Tr, tiền là của bị cáo Đ. Quan điểm này của luật sư không được chấp nhận; bởi vì người giao tiền là anh Nguyễn Hữu Tr, bản án sơ thẩm xác định của bị cáo Bé S 25 triệu bị cáo Đ không có ý kiến gì. Việc bồi thường thực hiện trước hay sau khi có Quyết định khởi tố bị can Bé S không làm thay đổi bản chất của sự việc.

[5] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử chấp nhận một phần lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát. Không chấp nhận tăng án đối với bị cáo Bé S, do Bé S không trực tiếp gây thương tích cho người bị hại, bị cáo Sáu khởi xướng, rủ rê việc đi đánh nhau nên bị cáo phải chịu mức án cao nhất, cấp sơ thẩm tuyên 36 tháng tù giam là đã tương xứng.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử đã thảo luận và thấy rằng các Quyết định của Bản án sơ thẩm về tội danh và mức hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Mai Văn Bé S, Nguyễn Văn N và Trần Văn T là có căn cứ, đúng

qui định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo Đ, N có tình tiết giảm nhẹ mới nên xem xét giảm cho hai bị cáo một phần hình phạt cũng đủ nghiêm. Kháng cáo của người bị hại được chấp nhận một phần. Kháng cáo của các bị cáo còn lại không được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo T, Bé S không được chấp nhận nên bị cáo T, Bé S phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng. Các bị cáo còn lại và người bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bé S và bị cáo T. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ và bị cáo N; chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại Th.

2. *Áp dụng:* Điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm d, e khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn Đ 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù** về tội Cố ý gây thương tích. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành hình phạt. Nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 17/7/2017 đến ngày 16/10/2017

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm e khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Mai Văn Bé S 03 (Ba) năm tù** về tội Cố ý gây thương tích. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành hình phạt.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn N 01 (một) năm tù** về tội cố ý gây thương tích. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành hình phạt.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù** về tội cố ý gây thương tích. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

(Người bị hại còn 1000.000 đồng (Một triệu đồng) bị cáo Trần Văn T nộp bồi thường tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu tiền số 8951 ngày 03 tháng 01 năm 2018).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo T, Bé S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Người bị hại Th không chịu án phí hình sự phúc thẩm

Bị cáo Đ, N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (4);
- Đương sự (4);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS huyện (1)
- Tòa án huyện (1)
- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Luật sư (2)
- Lưu tòa hình sự (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Cao Quốc Chiến